

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG GIAI ĐOẠN 2020 -2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THOẠI SƠN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

I. Giới hạn đô thị: Thị trấn Phú Hòa, thị trấn Núi Sập và thị trấn Óc Eo.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
A	THỊ TRẤN NÚI SẬP			
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Hùng Vương	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	5.000
2	Nguyễn Huệ	Cầu Cống Vong - Lê Thánh Tôn	1	4.000
		Lê Thánh Tôn - Cầu Thoại Giang	1	3.000
3	Lý Tự Trọng	Tôn Đức Thắng - Võ Thị Sáu	1	4.000
4	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	4.200
5	Đường Phố Chợ	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	1	4.000
6	Lê Hồng Phong	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	4.300
		Lý Tự Trọng - Lê Văn Tám	1	4.000
		Lê Văn Tám - Nguyễn Văn Trỗi	1	3.500
7	Nguyễn Văn Trỗi	Võ Thị Sáu - Trần Nguyên Hãn	1	3.100
8	Thoại Ngọc Hầu	Lê Thánh Tôn - Nguyễn Trãi	1	3.000
		Nguyễn Trãi - Lê Lợi	1	2.700
9	Võ Thị Sáu	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	3.000
		Lê Văn Tám - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
10	Lê Văn Tám	Kim Đồng - Võ Thị Sáu	1	2.000
11	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
12	Trung Vương	Nguyễn Huệ - UBND huyện Thoại Sơn	1	2.000
13	Trần Quốc Toản	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	4.300
14	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
15	Võ Văn Kiệt	Cầu Thoại Giang - Thoại Ngọc Hầu	1	2.000
16	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
17	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu - Nguyễn Đình Chiểu	1	2.400
18	Nguyễn Công Trứ	Cao Bá Quát - Nguyễn Đình Chiểu	1	2.000
19	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thị Minh Khai - Đỉnh Núi Lớn	1	2.000
20	Cao Bá Quát	Nguyễn Thị Minh Khai - Hết đường	1	2.000
21	Tản Đà	Nguyễn Thị Minh Khai - Hết	1	2.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
		đường		
22	Trần Tế Xương	Nguyễn Thị Minh Khai – Hết đường	1	2.000
23	Nguyễn Huệ	Cầu Công Vong – Cầu kênh F	1	2.000
24	Đường Thoại Giang	Nguyễn Huệ - Võ Văn Kiệt	1	3.000
25	Cụm dân cư Bắc Núi Lớn (giai đoạn 2)	Các đường trong KDC	1	2.400
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
26	Võ Văn Tần	Lê Văn Tám - Tạ Uyên	2	1.800
27	Tạ Uyên	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	2	1.800
28	Ngô Quyền	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	2	1.500
29	Kim Đồng	Nguyễn Văn Trỗi - Lê Văn Tám	2	1.500
30	Thoại Ngọc Hầu	Lê Lợi - Võ Văn Kiệt	2	1.800
III	ĐƯỜNG LOẠI 3			
31	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Huệ - Phan Đình Phùng	3	1.000
32	Nguyễn An Ninh	Phạm Hồng Thái - Phan Đình Phùng	3	1.000
33	Phạm Hồng Thái	Hết tuyến đường	3	600
34	Nguyễn Thiện Thuật	Phan Đình Phùng - Hết tuyến đường	3	750
35	Các đường còn lại KDC Tây Sơn	Trong phạm vi khu dân cư	3	600
36	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đình Chiểu – Nguyễn Trãi	3	1.000
37	Lê Lợi	Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn Thị Minh Khai	3	1.000
38	Nguyễn Du	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	1.000
39	Lê lai	Lý Thường Kiệt - Trần Hưng Đạo	3	1.000
40	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thị Minh Khai - Thoại Ngọc Hầu	3	1.000
41	Phan Đình Phùng	Võ Văn Kiệt - Hết KDC Tây Sơn	3	1.000
42	Nguyễn Huệ	Cầu Thoại Giang - Trường “B” Tây Sơn	3	800
43	Trần Nguyên Hãn	Nguyễn Văn Trỗi - Nguyễn Thị Minh Khai	3	1.000
44	Võ Văn Kiệt	Thoại Ngọc Hầu - Bãi rác thị trấn Núi Sập	3	1.000
45	Cống cô (nhỏ)	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	600
46	Bạch Đằng	Kênh Vành đai - Hết đường bê tông	3	800
47	Phạm Ngũ lão	Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật	3	600
48	Trần Khánh Dư	Trần Quang Khải - Trần Nhật	3	800

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
		Duật		
49	Trần Quang Khải	Huyện Trân Công Chúa - Hết tuyến đường	3	800
50	Trần Nhật Duật	Huyện Trân Công Chúa - Hết tuyến đường	3	800
51	Trần Bình Trọng	Phạm Ngũ Lão - Hết tuyến đường	3	600
52	Trần Khắc Chung	Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật	3	600
53	Huyện Trân Công Chúa	Trần Quang Khải - Hết tuyến đường	3	400
54	Nguyễn Văn Linh	Cầu KDC cán bộ - hết đường	3	800
55	Xuân Thủy	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
56	Tổ Hữu	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
57	Nguyễn Thị Định	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
58	Phạm Văn Đồng	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	700
59	Trường Chinh	Xuân Thủy - Kênh Ông Phòng	3	700
60	Tuyến lộ bê tông liên xã	Từ trường B Tây Sơn - Kênh D (kênh Rạch Giá Long Xuyên)	3	500
61	Bắc kênh E	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	300
62	Võ Văn Kiệt	Từ Bãi rác - Kênh ranh Cần Thơ	3	300
63	Tuyến kênh F lộ nhựa 2m	Từ 100 mét vào 200 mét	3	300
64	Tuyến kênh F lộ nhựa 2m	Từ 300 mét - Kênh ranh Cần Thơ	3	250
65	Tuyến kênh D	Từ đường liên xã - Kênh ranh Cần Thơ	3	250
66	Lộ Đập Đá	Từ cầu Đập Đá - Kênh F	3	250
67	Các đường còn lại	Trong toàn thị trấn (Chỉ có một vị trí)	3	100
68	Đường nhà Thiếu Nhi	Đường tránh thị trấn - cống Ông Phòng	3	800
69	Đường Tránh thị trấn Núi Sập	Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Huệ	3	800
B	THỊ TRẤN ÓC EO			
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Nguyễn Thị Rẫy	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	7.000
		Dốc chợ (phía trên) - Nguyễn Thị Hạnh	1	4.000
		Phan Thanh Giản (nhà bà Hiên) - Dốc chợ (phía trên)	1	2.500
		Phan Thanh Giản (nhà ông	1	2.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
		Phước) - Dốc chợ (phía trên)		
2	Nguyễn Thị Hạnh	Cầu Ba thê 5 - Hẻm Trại cây Minh Nhựt	1	5.000
		Hẻm Trại cây Minh Nhựt - Đường Nguyễn Văn Muôn	1	2.000
		Ranh Vọng Đông - Cầu Ba Thê 5	1	2.000
3	Đường Số 3	Nguyễn Thị Hạnh (Tur Vón) - Kênh Ba Thê (B. Nga)	1	3.500
4	Đường Số 4	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.500
5	Đường Số 1	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.400
6	Nguyễn Văn Muôn	Nguyễn Thị Hạnh - Cầu sắt Núi nhỏ	1	2.000
7	Đường Số 2	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.300
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
8	Phan Thanh Giản	Ranh cư xá giáo viên - hết ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc)	2	1.500
9	Lâm Thanh Hồng	Nguyễn Thị Hạnh - Gò Cây thị	2	1.300
10	Đường Vành đai	Gò Cây thị - Nguyễn Văn Muôn	2	1.300
III	ĐƯỜNG LOẠI 3			
11	Phan Thanh Giản	Đình Phan Thanh Giản - Cư xá giáo viên	3	1.000
12	Đường Số 5	Phan Thanh Giản - Hết đường	3	1.000
13	Đường Số 6	Nhà ông Hồng - Nhà Bà Huệ	3	1.000
14	Đường Số 7	Dốc chợ phía trên - Đường ngang Vành đai	3	1.000
15	Phan Thanh Giản	Ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc) - Nguyễn Văn Muôn (Bệnh viện khu vực Ốc Eo)	3	1.000
16	Đường Núi Tượng	Nguyễn Thị Hạnh - Cầu Núi Tượng	3	900
17	Đường Mâu giáo	Phan Thanh Giản - Đường Trần Thị Huệ	3	600
18	Trần Thị Huệ	Chùa Khmer -Kho đạn - Cuối lộ bê tông	3	400
19	Phạm Thị Vinh	Nguyễn Văn Muôn - Phan Thanh Giản	3	750
20	Các hẻm ngang rộng \geq 4m	Nguyễn Thị Hạnh vào 200m (Cầu Ba Thê 5 - Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	750
21	Các hẻm ngang rộng \geq 4m	Đoạn từ 200m tiếp theo (Cầu Ba Thê 5 đến Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	500

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
22	Các hẻm ngang rộng < 4m	Nguyễn Thị Hạnh vào 200m (cầu Ba Thê 5 - Đường ngang Vành đai - hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	450
23	Các hẻm ngang rộng < 4m	Đoạn từ 200m tiếp theo (cầu Ba Thê 5 - Đường ngang Vành đai - Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	400
24	Các hẻm ngang rộng \geq 4m	Nguyễn Thị Hạnh và Nguyễn Văn Muôn vào 200m (hẻm giáp Trại cây Minh Nhựt đến đường Nguyễn Văn Muôn đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	750
25	Các hẻm ngang rộng \geq 4m	Đoạn từ 200m tiếp theo (hẻm giáp Trại cây Minh Nhựt đến đường Nguyễn Văn Muôn đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	500
26	Các hẻm ngang rộng < 4m	Nguyễn Thị Hạnh và Nguyễn Văn Muôn vào 200m (Nguyễn Văn Muôn - Đường Vành đai đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	450
27	Các hẻm ngang rộng < 4m	Đoạn từ 200m tiếp theo (Nguyễn Văn Muôn - đường Vành đai đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	400
28	Đường Làng Dân Tộc	Trần Thị Huệ - Sân Tiên	3	500
29	Đường Gò Cây Thị	Đường Vành đai (vòng núi) - Cầu Treo	3	500
30	Đường Sân Tiên	Nguyễn Văn Muôn - Trần Thị Huệ	3	500
31	Đường Kênh Kiên Hảo	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang	3	200
32	Các kênh cấp 2	Kênh Vành đai – kênh Kiên Hảo	3	110
33	Đất ở khu vực còn lại		3	100
34	Đường kênh vành đai	Cầu Ba Thê 5 – cầu sắt Núi nhỏ	3	200
C	THỊ TRẤN PHÚ HÒA			
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Trần Phú	Cầu Phú Hòa - Hết ranh cây xăng Tân Anh	1	3.500
2	Đường số 3	Đường số 7 - Hết đường nhựa	1	2.000
3	Đường số 4	Trần Phú - Hết đường nhựa	1	3.000
4	Đường số 7	Đường số 2 - Đường số 5	1	2.000
5	Đường nội bộ	KDC Công ty Sao Mai (giai đoạn 1)	1	2.000
6	Đường nội bộ	KDC Công ty Sao Mai (giai đoạn	1	2.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
		2)		
7	Nguyễn Thị Bạo	Nguyễn Thái Bình - Bến cảng KCN	1	2.100
8	Trần Phú	Ranh Mỹ Hòa - Cầu Phú Hòa	1	6.500
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
9	Nguyễn Thị Bạo	Trần Phú - Nguyễn Thái Bình	2	1.800
10	Lê Thị Hồng Gấm	Trường Nguyễn Khuyến - Nguyễn Thái Bình	2	1.500
11	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thị Bạo - Lê Thị Hồng Gấm - Hết đường nhựa	2	1.500
12	Dân cư khu vực chợ mới	Trần Phú - Mạc Cần Dện	2	1.500
13	Trần Phú	Ranh cây xăng Tân Anh - Cầu Mương Trâu	2	2.000
14	Lê Anh Xuân	Suốt tuyến đường	2	1.500
15	Đường Số 1	Trần Phú - Hết đường bê tông	2	1.500
16	Đường Số 2	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200
17	Đường Số 5	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200
18	Đường Số 6	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200
19	Đặng Huy Trứ	Trần Phú - Cầu Phú Hòa	2	1.200
20	Đường Chợ cũ	Trần Phú - Mạc Cần Dện	2	1.200
21	Đường Cầu Đình	Trần Phú - Cầu Mạc Cần Dện	2	1.200
22	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thị Bạo - Hết đường nhựa về hướng Núi Sập	2	1.500
23	Phạm Ngọc Thảo	Hết tuyến đường	2	1.500
24	Đường Trường Nguyễn Khuyến	Trần Phú - Nhà máy An Giang 7 - bến bảng KCN	2	1.200
25	Đường bê tông cấp kênh Mạc Cần Dện	Nhà trẻ (chợ cũ) - KDC Phú Hữu - Hết ranh đất ở của ông Ngô Văn Mạnh	2	1.200
26	Đường Bê tông 2m KDC bến xe	Trần Phú - Suốt tuyến	2	1.500
27	Đường đất KDC bến xe	Trần phú - Suốt tuyến	2	1.200
28	CDC Phú Hữu (vốn huyện)	Đường số 1	2	1.500
		Các đường còn lại	2	1.300
29	CDC Phú Hữu (vượt lũ)	Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2)	2	1.200
III	ĐƯỜNG LOẠI 3			
30	Đường nhựa 3.5m liên xã cấp kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Bến cảng KCN - Cầu sắt Mương Trâu	3	1.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
31	Đường nhựa 3.5m liên xã (kênh Mặc Cần Dện - rạch Bờ Ao)	Theo quy hoạch trung tâm (cách trung tâm UBND thị trấn 150 mét vào phía trong và theo trục lộ 500 mét sang mỗi bên)	3	1.000
32	Bê tông 2m (kênh Xã Đội)	Cách cầu kênh xã Đội 500m - Ranh Phú Thuận	3	200
33	Nhựa 3,5m liên xã rạch Bờ Ao)	Cách cầu kênh xã Đội 500m - Ranh Phú Thuận	3	300
34	Bê tông 2m liên xã (rạch Bờ Ao)	Kênh Mặc Cần Dện - Ranh Phú Thuận	3	300
35	Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Nhà ông mạnh - Rạch Mương Trâu - Ranh Vĩnh Trạch	3	300
36	Nhựa (rạch Mương Trâu)	Trần Phú - kênh Mặc Cần Dện lớn	3	300
37	Đất ở khu vực còn lại		3	100

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
I	Xã An Bình	
1	Khu vực 1: đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Lộ 15 (Cầu An Bình 4 - Cầu Núi Trọi)	300
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	<i>Sơn Hiệp</i>	
-	Đường số 6 (Đường số 1 - Đường số 3)	700
-	Đường số 1 (Đường số 7 - Đường số 8)	700
-	Đường số 2 (Đường số 6 - Đường số 7)	1.000
-	Đường số 7 (Đường số 1 - Đường số 3)	750
-	Đường số 8 (Đường số 1 - Đường số 4)	580
-	Đường số 3 (Đường số 9 - Đường số 7)	700
-	Đường số 4 (Đường số 9 - Đường số 7)	450
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Tỉnh lộ 947	
+	Cầu ranh Vọng Thê - Trường Tiểu Học B An Bình (điểm chính)	400
+	Trường Tiểu Học B An Bình (điểm chính) - Cầu Hai Trân	500
-	Bờ tây Kênh Mướp Vắn (Cầu ranh Vọng Thê - Cầu ranh Tây Phú)	350
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
	<i>xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Lộ 15 (Cầu ranh Vọng Đông - cầu Treo An Bình 4)	200
-	Đường Kênh Núi Trọi (Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi)	180
-	Vành đai Núi Trọi (Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi)	250
-	Bê tông 2m liên xã (kênh Núi Trọi) (Cầu sắt Núi Trọi - cầu Treo 2000)	150
-	Bê tông 2m liên xã (kênh Mỹ Phú Đông) (Cầu Hai Trân - ranh Mỹ Phú Đông)	150
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
-	KDC Phú Hiệp (Các đường trong KDC)	470
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
-	An Bình	80
II	Xã Bình Thành	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
-	Đường tỉnh 960	
+	Nhà ông Huỳnh Văn Thôi - Trung tâm xã	856
+	Trung tâm xã - Nhà ông Quách Văn Hoàng	856
-	Đường tỉnh 960 (tuyến tránh) (Nhà ông Phạm Văn Học - Nhà Ông Dương Văn Phước Hải)	600
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	<i>Bình Thành</i>	
-	Đường đất	1.000
-	Đường tỉnh 960	
+	Cây xăng Thanh Nhã - Trung tâm chợ	1.200
+	T. tâm chợ - Nhà Ông Trương Phên Nhỏ	1.200
-	Đường Đất (kênh Ba Thê cũ) (Trung tâm chợ - Đất ông Nguyễn Văn Đục chạy dọc theo tuyến kênh Ba Thê cũ)	200
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Đường tỉnh 960	
+	Ranh Thoại Giang - Cây Xăng Thanh Nhã	856
+	Nhà ông Trương Phên Nhỏ - Nhà Ông Huỳnh Văn Thôi	856
+	Nhà ông Quách Văn Hoàng - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	856
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Ranh Núi Sập - Ranh Kiên Giang (cổng Bà Tà))	450
-	Đường bê tông 2m (kênh Kiên Hào) (Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu))	200
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II) (Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh với Vọng Đông)	120

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Đường Bê tông 2m bờ Nam (kênh Ba Thê cũ) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)	150
-	Đường đất Bờ Bắc (kênh Ba Thê cũ) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)	120
-	Đường Nhựa 3,5m bờ Nam (kênh Thoại Giang III) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)	150
-	Đường đất bờ Bắc (kênh Thoại Giang III) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)	120
-	Đường đất bờ Bắc (kênh Xã Diểu) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)	120
-	Đường đất bờ Nam (kênh D) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ)	120
-	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ)	150
-	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh B) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ)	150
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Bình Thành	80
III	Xã Định Mỹ	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Kênh Cà Răng - Hết Cây xăng Khuru Minh Điền)	650
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Trường Tiền	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Cầu Thoại Hà 2 - Cầu Trường Tiền)	800
-	Giáp nhà lồng chợ (Nhựa 3.5m kênh Rạch Giá - Long xuyên - Đường số 6)	2.800
-	Các đường còn lại trong chợ	500
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	
+	Ranh Vĩnh Phú - Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ)	400
+	Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ) - Cầu Thoại Hà 2	350
-	Nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	
+	Cầu Trường Tiền - Kênh Cà Răng	400
+	Cây xăng Khuru Minh Điền - Kênh Mỹ Giang	450
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Mỹ Giang) (Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	100

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Đường đất (kênh Phèn Đứng) (Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	100
-	Nhựa 2m (kênh Định Mỹ 2) (Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	120
-	Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 1) (Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	120
-	Đường đất (kênh Trường Tiền cũ) (Ngã 3 Trường Tiền cũ - Ranh xã Vĩnh Phú)	100
-	Đường đất (kênh Đồng Chòi) (Kênh áp chiến lược - Ranh xã Vĩnh Phú)	100
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Thốt Nốt) (Kênh áp Chiến lược - Ranh xã Vĩnh Phú)	120
-	Đường đất kênh Ba Thước (Kênh áp Chiến lược - Kênh Định Mỹ 1)	100
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	CDC Trường Tiền (Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2))	480
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:</i>	
	Khu dân cư trường tiền mở rộng	600
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Định Mỹ	80
IV	Xã Định Thành	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Đường tỉnh 943 (Cách trụ sở UBND xã 600 mét về mỗi bên)	600
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Kênh H	
-	Đường tỉnh 943 (Cầu kênh H - cặp nhà thầy giáo Giang)	1.000
-	Tiếp giáp nhà lồng chợ (Đường tỉnh 943 - Mương chợ)	800
-	Cặp đường đan kênh H (Từ Đường tỉnh 943 - Cổng tròn Mương Chợ)	700
-	Mương Chợ (Đường đan - Vào 50 mét)	600
	Chợ Cũ	
-	Liên xã (Đường nhựa 3.5m)	600
-	Cặp nhà lồng chợ (Khu vực chợ)	500
-	Dãy sau chợ (Hẻm sau chợ)	450
	Kênh F	
-	Cặp nhà lồng chợ (Khu vực chợ)	1.900
-	Sau nhà lồng chợ (Hẻm sau chợ)	800
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh 943:</i>	
	Đường tỉnh 943 (Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Cầu kênh F (trừ trung tâm xã, chợ kênh H và chợ kênh F))	300

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Bê tông, nhựa 3,5m trở lên cặp kênh Rạch Giá – Long Xuyên	
+	Cầu lặc Dục – cầu Ông Đốc (trừ khu vực chợ Định Thành)	300
+	Cầu Lặc Dục - Cầu kênh F	500
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Kênh H lộ nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên tới ranh Cần Thơ)	250
-	Kênh H (đường bê tông 2m liên xã) (Từ cầu sông quanh ngoài (tiếp giáp kênh Rạch Giá - Long Xuyên) đến giáp ranh Vĩnh Khánh, Cần Thơ (không tính đoạn chợ kênh H))	200
-	Kênh G (Từ cầu kênh G (tiếp giáp kênh Rạch Giá - Long Xuyên) - kênh ranh Cần Thơ)	150
-	Kênh F (Từ cầu kênh F - ranh Cần Thơ, Thị trấn Núi Sập)	150
-	Kênh Trục (Tỉnh lộ 943 - giáp Vĩnh Khánh)	150
-	Lộ tế Định Thành (Đường tỉnh 943 – K.Rạch giá – Long Xuyên)	200
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	KDC Hòa Thành (Các đường trong khu dân cư)	450
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Định Thành	80
V	Xã Mỹ Phú Đông	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Đường nhựa liên xã 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Kênh Mỹ Phú Đông - Hết ranh đất nhà ông Hòa)	300
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Mỹ Phú Đông	
-	Đường nhựa liên xã 3,5m (Kênh Mỹ Phú Đông – Bưu điện xã)	900
-	Hai bên nhà lồng chợ (Đường nhựa liên xã 3,5m - Bê tông nội chợ 2m)	1.600
-	Các đường còn lại	1.200
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Đường nhựa liên xã 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	
+	Kênh Trường Tiên - Nhà ông Hòa	250
+	Bưu điện xã - Ranh Trường cấp 2 Mỹ Phú Đông	400
	Ranh Trường cấp II Mỹ Phú Đông - Cầu Ngã Năm	250
+	Cầu Ngã Năm - Cầu Mỹ Giang	250
-	Đường nhựa liên xã 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	
+	Kênh Trường Tiên - Nhà ông Bông	150
+	Nhà ông Lước - Kênh Vọng Đông 2	150

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Đường nhựa liên xã 3,5m (kênh Mỹ Phú Đông) (Ranh Định Mỹ - Ranh An Bình (không tính đoạn khu dân cư vượt lũ))	100
-	Đường đất liên xã (kênh Mỹ Phú Đông) (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	100
-	Đường đất (kênh Núp Lê) (Cầu Ngã Năm - Kênh Mỹ Giang)	100
-	Đường đất (kênh Mỹ Giang) (Cầu Mỹ Giang - Kênh ranh Định Mỹ)	100
-	Đường đất (kênh Vọng Đông 2) (Nhà ông 5 Hồng - Kênh ranh An Bình)	100
-	Đường đất kênh Vọng Đông 1 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình (trừ KDC Tân Đông))	100
-	Kênh Vọng Đông 1 (KDC Tân Đông) (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh đất Ông Võ Công Khanh)	150
-	Đường đất kênh Trường Tiền (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	100
-	Đường đất kênh Định Mỹ 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	100
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	Tân Phú (Các đường trong KDC)	500
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Mỹ Phú Đông	80
VI	Xã Phú Thuận	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Hết thửa đất nhà ông Nhiên - Hết ranh cây Xăng Phú Thuận)	750
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	<i>Kênh Đào</i>	
-	Bê tông 2m (Trung tâm Chợ (tiếp giáp nhà lồng chợ (đường số 1, số 4, số 5))	800
-	Bê tông 2m (Các đường còn lại trong chợ (đường số 2, 3))	500
	<i>Hòa Tây B</i>	
	Nội chợ (Cặp 2 bên nhà lồng chợ)	1.300
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
	Quốc lộ 80 (Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	1.000
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong)	
+	Bờ phía Nam từ ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên) (không tính đoạn TTHC xã)	350

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
+	Bờ Bắc từ kênh Xã Đội - Kênh Xáng Mới	300
-	Đường đất (kênh Đòn Dong) (Ranh Mỹ Thạnh - Kênh Xáng Mới)	100
-	Đường đất (kênh Cái Sắn) (Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	100
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (rạch Bờ Ao) (Ranh Phú Hòa - Kênh Xáng Mới)	250
-	Bê tông 3m liên xã (rạch Bờ Ao) (Ranh Phú Hoà - Ranh Mỹ Thạnh, Long Xuyên)	120
-	Đường đất, Bê tông 2m (rạch Bờ Ao) (Kênh Xáng Mới - Ranh Mỹ Thạnh (LX))	120
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Xáng Mới) (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong)	200
-	Đường đất (kênh Xáng Mới) (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong)	100
-	Bê tông 2m liên xã (kênh Xã Đội) (Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong)	100
-	Đường đất (kênh Thầy Giáo) (Ngã 3 Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong)	100
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Phú Tây) (Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn)	100
-	Đường đất (kênh Phú Tây) (Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn)	100
-	Đường đất (kênh Ông Đốc) (Ranh Vĩnh Chánh - kênh Đòn Dong)	100
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	Kênh Đào (Các đường trong KDC)	250
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Phú Thuận	80
VII	Xã Tây Phú	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
-	Tỉnh lộ 947 (Kênh Hai Trâm - Mương 3/2)	1.100
-	Đường đất kênh Hậu Chợ (Từ nhà ông Nhơn - Kênh Hai Trâm)	800
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Tây Phú	
	Nội chợ (Cặp 2 bên nhà lồng chợ)	2.000
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Tỉnh lộ 947 (Kênh 3/2 - Khu dân cư vượt lũ ấp Phú Hòa)	450
-	Bờ tây Kênh Mướp Vắn (nhựa 3,5m ranh An Bình - ranh Tân Phú, huyện Châu Thành)	350
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Ranh Làng (Kênh Mướp Vắn - Vĩnh Phú)	100
-	Vĩnh Tây (Kênh Mướp Vắn - Vĩnh Phú)	100
-	Trường Tiền (Kênh Mướp Vắn - Vĩnh Phú)	100
-	Hai Trán (Kênh Mướp Vắn - Mỹ Phú Đông)	100
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
-	KDC Phú Hòa	
+	Nhựa 3m liên xã (Ranh Khu dân cư - Ranh huyện Châu Thành)	500
+	Các đường còn lại trong KDC	350
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:</i>	
-	Khu dân cư chợ Tây Phú	
+	đường số 01,02 (đường kênh Hậu chợ)	800
+	Đường số 03,04	1.100
+	Đường cặp mương 3/2	80
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Tây Phú	80
VIII	Xã Thoại Giang	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Đường tỉnh 943 (Cách UBND xã 500m về mỗi bên)	400
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
-	Đường tỉnh 943	
+	Cầu Thoại Giang về hướng UBND xã Thoại Giang 500m	500
+	Cách cầu Thoại Giang 500m - Ranh quy hoạch trung tâm xã	400
+	Ranh quy hoạch Trung tâm xã - Cầu Ba Thê 1	350
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Bê tông 3m kênh Rạch giá - Long Xuyên (Ranh Định Mỹ - Cầu Thoại Giang)	400
-	Đường tỉnh 960	
+	Cầu Thoại Giang - Hết ranh đất nhà bà Huê Thị Đành	856

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
+	Ranh đất nhà bà Huê Thị Đành - Ranh Bình Thành	856
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Ba Thê Mới) (Nhà máy Kim Hương - Ranh Vọng Đông)	250
-	Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Mỹ Giang) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)	200
-	Đường đất (tiếp giáp kênh Thoại Giang 1) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)	100
-	Đường đất (tiếp giáp kênh Thoại Giang 2) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)	100
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	KDC Bắc Thạnh (Các đường trong KDC)	600
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Thoại Giang	80
IX	Xã Vĩnh Chánh	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Mặc Cần Dền Lớn) (Kênh Thanh Niên-Trụ sở Ban áp Tây Bình B)	400
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	<i>Chợ Cũ</i>	
	Bê tông 3m liên xã - Hết đường	600
	<i>Chợ Mới</i>	
-	Khu vực 2 bên nhà lồng chợ	1.200
-	Khu vực Trung tâm chợ không thuận lợi kinh doanh	770
	<i>Chợ Tây Bình C</i>	
-	Cặp lộ nhựa (Kênh T5 - Tổ y tế)	1.000
-	Tiếp giáp nhà lồng chợ thuận lợi kinh doanh	700
-	Các đường còn lại trong chợ	500
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh(Kênh T7))	300
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh mặc cần dện lớn)	
+	Ranh Phú Hòa- Cầu ngang nhà ông Phí	400
+	Cầu ngang nhà ông Phí- Kênh Thanh niên	180
+	Ban áp Mới Tây Bình B- Ranh Vĩnh Khánh (không tính khu vực chợ Tây Bình B)	180
-	Bê tông 2m liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ) (Cầu Đình- Hết đường bê tông)	120
-	Đường cấp phối(kênh mặc cần dện nhỏ) (Cầu Đình- Hết đường bê tông)	100
-	Nhựa 3,5m (kênh Thanh niên) (Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong)	100
-	Đường đất (kênh Thanh Niên (Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong)	100
-	Đường cấp phối(kênh Xã Đội) (Ranh Phú Hòa- kênh Đoàn Dong)	100
-	Đường đất (kênh Nông Dân) (Cầu 2A- kênh Đòn Dong)	100
-	Đường đất kênh T5 (Cầu kênh T5 - ranh Cần Thơ)	100
-	Đường đất (kênh T7) (Cầu kênh T7- ranh Cần Thơ)	100
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
-	KDC vượt lũ Trung Tâm (Các đường trong KDC)	420
-	KDC vượt lũ Tây Bình C (Các đường trong KDC)	250
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:</i>	
	Đông An (Các đường trong khu dân cư (Bê tông 3m liên xã – Hết khu dân cư))	340
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Vĩnh Chánh	80
X	Xã Vĩnh Khánh	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Nhựa 3,5 liên xã (kênh Bốn Tổng) (Buru Điện - UBND xã)	500
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	<i>Chợ Cũ</i>	
-	Bê tông 3m liên xã (Nhà ông Phi - Nhà ông Xuyên)	2.200
-	Giáp lô A (Nhựa (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Đàng)	700
-	Giáp lô B (Bê tông (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Kiệt)	1500
-	Giáp lô C (Nhà ông Xuyên - Nhà ông Tùng)	800
-	Đường Bê tông 3,5m tiếp giáp UBND xã (Nhựa (kênh 4 tổng) – kênh hậu 150)	1600
	<i>Khu vực mở rộng</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Đường đất (kênh Đòn Dong) (Nhà ông Thanh - Kênh Hậu)	1.600
-	Đường đất (kênh Hậu) (Kênh Đòn Dong - Hết đất nhà bà Kiều)	1.200
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
-	Đường tỉnh 943	
+	Cầu kênh Ông Cò - Bê tông 3m (đường vào Vĩnh Khánh)	600
+	Bê tông 3m liên xã đường vào Vĩnh Khánh - Ranh Định Thành	300
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)	300
-	Đường Nhựa (kênh Đòn Dong) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)	200
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Bê tông 3m liên xã (kênh Bốn Tổng) (Đường tỉnh 943 - Buu Điện)	300
-	Đường đất liên xã (kênh Bốn Tổng) (Ranh Vĩnh Trạch - Ngang UBND xã (nhà ông Đức))	200
-	Bê nhựa 3,5 liên xã (kênh Bốn Tổng) (KDC vượt lũ - Kênh ranh Cần Thơ)	250
-	Đường nhựa 3 m liên xã (kênh Bốn Tổng) (Kênh.đòn Dong - Ranh Cần Thơ)	150
-	Bê Nhựa 3,5m liên xã (k. Mặc Cần Dện lớn) (Ranh Vĩnh Chánh - Cầu Xẻo Lách)	200
-	Bê tông 2m (kênh H) (Kênh Đòn Dong - Kênh ranh Cần Thơ)	100
-	Đường nhựa 2m (kênh H) (Kênh Đòn Dong - Ranh Định Thành)	100
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	KDC vượt lũ Bốn Tổng (Các đường trong KDC)	450
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Vĩnh Khánh	80
XI	Xã Vĩnh Phú	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Ba Dầu) (Đình Vĩnh Phú - Hết ranh đất nhà ông Chu)	500
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Chợ Trung Phú 2	
-	Bê tông 2m (Hẻm sát nhà ông Sơn - Kênh ranh Làng)	1.300

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Đường tiếp giáp nhà lồng chợ (Kênh Ba Dầu - Kênh ranh Làng)	1.300
-	Đường Khu Vành đai chợ (Từ nhà ông Dừng - Nhà ông Dẫn)	1.000
-	Bê tông (Các đường còn lại trong chợ)	1.300
2	<i>Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - LX) (Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần)	350
-	Bê tông 3,5m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)	250
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)	200
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Ba Dầu) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Khu dân cư Trung Phú 3)	350
-	Đường nhựa (kênh Ba Dầu) (Đoạn từ nhà ông Dừng - Cầu Ba Dong)	300
-	Đường nhựa 3,5 m (kênh Xẻo Sâu), Vĩnh Tây Bê tông 2m , (Ranh Làng)	
+	Kênh Xẻo Sâu (ranh Định Mỹ - kênh Ba Dầu) (thành đường nhựa 3,5m kênh Xẻo Sâu)	150
+	Kênh Vĩnh Tây (KDC Ba Dong - kênh Núi Chóc Năng Gù) (thành đường nhựa 3,5m kênh Vĩnh Tây)	150
+	Kênh Ranh Làng (kênh Ba Dầu - Kênh Núi Chóc Năng Gù)	150
-	Đường đất (kênh Xẻo Sâu, Vĩnh Tây, ranh Làng, Trường Tiền, kênh T15)	
+	Kênh Xẻo Sâu (ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu)	100
+	Kênh Vĩnh Tây(kênh Ba Dầu - Ranh xã Tây Phú)	100
+	Kênh ranh Làng (kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú)	200
+	Cầu Ba Dong - Cầu T15 (chia làm 02 bờ - bờ Đông là đường nhựa 3,5m và bờ Tây là đường đất)	100
+	Kênh Trường Tiền (kênh Xẻo Sâu - Ranh xã Tây Phú)	150
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	<i>KDC Trung Phú 3</i>	
-	Bê tông 1m (Các đường tiếp giáp nhà lồng chợ)	700
-	Bê tông 1m (Các đường còn lại trong khu vực chợ và KDC)	300
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:</i>	
	<i>Trung Phú 4</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Bê tông 2m (kênh Núi Chóc Năng Gù - kênh ranh Làng) (Nhà ông Sáu Núi – nhà ông Bé Năm)	1.000
-	Đường đất (Các đường còn lại trong khu dân cư)	500
	Trung tâm	
-	Bê tông 3m liên xã (kênh Ba Dầu) (Đường vào Trung tâm hành chính xã - ranh nhà ông Tám Cần)	1.500
-	Đường Nhựa sau trụ sở UBND xã (Các đường còn lại trong khu dân cư)	250
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Vĩnh Phú	80
XII	Xã Vĩnh Trạch	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Đường tỉnh 943 (Vĩnh Trạch - Văn phòng ấp Trung Bình Tiến)	400
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Chợ Vĩnh Trung	
-	Nhựa liên xã (Ranh nhà ông Tuấn - Cầu Đình)	850
-	Hai bên nhà lồng chợ (Nhựa liên xã - Bê tông nội chợ)	800
-	Các đường còn lại trong chợ	700
	Chợ Tây Bình (Ba Bần)	
-	Tây Bình (Ba Bần)	
+	Hai bên nhà lồng chợ	500
+	Các đường còn lại trong chợ	300
	Vĩnh Trạch 1 (Chợ Tây Cò)	
-	Hai bên nhà lồng chợ	500
-	Đường tỉnh 943 (Cầu kênh Bốn Tổng - Cây xăng Vân Sơn)	600
-	Các đường còn lại trong chợ	300
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
-	Đường tỉnh 943	
+	Cầu Mương Trâu - Mương Thầy Ban	500
+	Mương Thầy Ban - Vĩnh Trạch	300
+	Văn phòng ấp TBT - Cầu kênh 4 Tổng	300
+	Cây xăng Vân Sơn - Ranh Định Thành	300
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Nhựa, bê tông liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	
+	Rạch Mương Trâu - Nhà ông Tuấn (chợ ấp Vĩnh Trung)	300
+	Cầu Đình - Cầu kênh Bốn Tổng nhỏ	350
+	Mương Xẻo Chiết - Hết đường dẫn cầu Ba Bàn	800
-	Nhựa liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Cầu Ba Bàn - Cầu ông Đốc)	300
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Nhựa 3m liên xã (lộ Thanh Niên) (Tỉnh lộ 943 - Kênh Mặc Cần Dện)	150
-	Nhựa 3m liên xã (kênh Bốn Tổng) (Ranh Vĩnh Khánh - Mương Xẻo Chiết)	250
-	Đường Bê tông (kênh Bốn Tổng)	
+	Ranh Vĩnh Khánh - Cầu Bốn Tổng nhỏ	150
+	Nhà ông Sum - Nhà Bà Diệu	150
-	Đường Bê tông (rạch Cái Vồn, Bà Cà) (Kênh Rạch Giá – kênh Bốn Tổng)	100
-	Đường nhựa (rạch Cái Vồn, Bà Cà) (Kênh Rạch Giá – kênh Bốn Tổng)	150
-	Đường nhựa (kênh Mặc Cần Dện) (Cầu Xẻo Lách - Ranh Phú Hòa)	200
-	Đường nhựa liên xã (lộ ông Cường) (Tỉnh lộ - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	300
-	Đường đất Kênh Mười Cai (2 bờ) (Ranh Phú Hòa – Đường bê tông (kênh Bốn Tổng))	150
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	<i>KDC vượt lũ Tây Bình</i>	
-	Nhựa liên xã (Cầu Ba Bàn - Bến đò ông Mọi)	800
-	Bê tông 3m (Các dãy còn lại trong KDC)	600
<i>e</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:</i>	
	Khu dân cư chợ Vĩnh Trạch mở rộng	600
3	<i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:</i>	
	Vĩnh Trạch	80
XIII	Xã Vọng Đông	
1	<i>Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>	
	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
-	Đường tỉnh 943 (Bưu điện Vọng Đông - Cầu Ba Thê 2)	650
-	Đường tỉnh 943 (Cầu Vọng Đông - Hết Quỹ Tín dụng Vọng Đông)	1.500

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Hai bên nhà lồng chợ (Đường tỉnh 943- Đường hậu chợ)	1.500
-	Đường hậu chợ (Kênh Kiên Hảo - Núi Chóc)	1.000
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
-	Đường tỉnh 943 (Cầu Ba Thê 1 - Cầu Vọng Đông)	300
-	Đường tỉnh 943 (Cầu Ba Thê 2 - Cách ranh Óc Eo 500 m (không tính đoạn KDC vượt lũ Sơn Lập))	350
-	Đường tỉnh 943 (Cách ranh Óc Eo 500m - Cầu Ba Thê 4)	400
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Đường nhựa 3,5m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông)	200
-	Đường đất (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Vọng Đông 2)	120
-	Đường Nhựa 3,5m liên xã (kênh Kiên Hảo) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ)	200
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Lộ 15 (nhựa 3,5m liên xã kênh Ba Thê – Núi Chọi) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình)	250
-	Đường nhựa 3,5m, kênh Ba Thê - Núi Sập	
+	Ranh Thoại Giang - Cầu treo đi Mỹ Phú Đông	150
+	Cầu treo đi Mỹ Phú Đông -Ranh Óc Eo	100
-	Kênh Thoại Giang I (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	100
-	Kênh Thoại Giang II (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	100
-	Kênh Ba Thê Cũ (Ranh Óc Eo - Ranh Bình Thành)	100
-	Kênh Vọng Đông 2 (Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	100
-	Kênh Mỹ Giang (Núi Chóc Năng Gù - ranh Thoại Giang)	100
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	KDC Sơn Lập	
-	Đường tỉnh 943 (Từ VP. ấp Sơn Lập - Nhà bà Kim Em)	600
-	Các đường trong KDC	180
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Vọng Đông	80
XIV	Xã Vọng Thê	
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:</i>	
	Đường tỉnh 943 (Cầu Mướp Vắn - Cầu số 2)	450
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:</i>	
	Chợ Tân Thành	
-	Tỉnh lộ 947 (Cầu Mướp Vắn - Cầu Tân Hiệp)	900
-	Nội chợ (Các đường trong chợ)	500
-	Đường tỉnh 943 (Cầu Mướp Vắn - Cách cầu Mướp Vắn 200m về hướng cầu Núi Nhỏ (hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá))	450
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:	
<i>a</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>	
-	Đường tỉnh 943	
+	Cầu Núi Nhỏ - Cách cầu Mướp Vắn 200m (ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá)	300
+	Cầu số 2 - Ranh Tri Tôn	250
<i>b</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:</i>	
-	Tỉnh lộ 947	
+	Ranh Mỹ Hiệp Sơn – Cầu Mướp Vắn	350
+	Cầu Tân Thành - Ranh An Bình	350
-	Bờ tây Kênh Mướp Vắn (Ranh Mỹ Hiệp Sơn – ranh An Bình)	350
<i>c</i>	<i>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:</i>	
-	Đ.đất kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Vắn - Ranh Óc Eo)	100
-	Đường đất kênh Huệ Đức (Kênh Mướp Vắn - Ranh Tri Tôn)	100
-	Đường đất kênh Mương lộ (Cầu Thanh Niên - Kênh Vành Đai)	100
<i>d</i>	<i>Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:</i>	
	CDC Tân Vọng (Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2))	510
3	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại:	
	Vọng Thê	80

C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
I	Thị trấn Núi Sập		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	60	

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
2	Đất trồng cây lâu năm	70	
II	Thị trấn Óc Eo		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	60	
2	Đất trồng cây lâu năm	100	
III	Thị trấn Phú Hòa		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	80	
2	Đất trồng cây lâu năm	90	
IV	Xã An Bình		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):		
-	Kênh Murop Văn		
+	Nhựa 3,5m (Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú)	40	32
+	Nhựa 2,5m liên xã (Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú)	40	32
<i>b</i>	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		
	Tiếp giáp các kênh cấp II trong toàn xã (Ranh huyện Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông)	40	32
<i>c</i>	Khu vực còn lại:		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):		
	Kênh Murop Văn (Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú)	45	36
<i>b</i>	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		
	Các kênh cấp II trong toàn xã (Ranh huyện Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông)	45	36
<i>c</i>	Khu vực còn lại:		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
V	Xã Bình Thành		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):		
-	Đường tỉnh 960 (Ranh Thoại Giang - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu))	40	32
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Ranh Núi Sập - Ranh với Kiên Giang (Cống Bà Tà))	40	32

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
-	Đường Nhựa bờ Tây (K.Kiên Hào) (Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang)	43	34
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Đường nhựa 3,5m bờ Nam (kênh Thoại Giang III) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Rênh Kiên Hào)	40	32
-	Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh với Vọng Đông)	40	32
-	Đường đất bờ Bắc (kênh Xã Diều) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào)	40	32
-	Đường Bê tông 2m hai bờ (kênh Ba Thê cũ) (Cách mương áp Chiến lược giáp chợ 200m - Kênh Kiên Hào)	40	32
-	Đường đất bờ Nam (kênh Ba Thê cũ) (Cách mương áp Chiến lược giáp chợ 200m - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	50	40
-	Đường đất bờ Nam (kênh D) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ)	48	38
-	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ)	48	38
-	Đường bê tông 3m (kênh B) (Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Giáp ranh với Cần Thơ)	48	38
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	42	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Đường tỉnh 960 (Ranh Thoại Giang - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diều))	55	44
-	Đường nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Ranh Núi Sập - Ranh Kiên Giang (cổng Bà Tà))	55	44
-	Đường đất bờ Tây (kênh Kiên Hào) (Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diều))	55	44
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Đường Bê tông 2m hai bờ (kênh Ba Thê cũ) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào)	55	44
-	Đường nhựa 3,5m bờ Nam (kênh Thoại Giang III) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào)	55	44
-	Đường đất bờ Bắc (kênh Xã Diều) (Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào)	55	44

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
-	Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Giáp ranh với Vọng Đông)	55	44
-	Đường đất bờ Nam (kênh D) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – giáp ranh Cần Thơ)	66	52
-	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ)	66	52
-	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh B) (Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ)	66	52
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	48	
-	Khu vực còn lại	35	
VI	Xã Định Mỹ		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh rạch Giá – Long Xuyên) (Ranh Vĩnh Phú - Cầu Mỹ Giang)	40	32
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Mỹ Giang (Cầu Mỹ Giang - Ranh Mỹ Phú Đông)	40	32
-	Kênh Phèn Đứng (Cầu Phèn Đứng - Kênh Định Mỹ 2)	40	32
-	Kênh Định Mỹ 2 (Cầu Định Mỹ 2 - Ranh Mỹ Phú Đông)	40	32
-	Kênh Định Mỹ 1 (Cầu Trường Tiền - Ranh Mỹ Phú Đông)	40	32
-	Kênh Trường Tiền Cũ (Ngã 3 Trường Tiền - Ranh Vĩnh Phú)	40	32
-	Kênh Thốt Nốt (Cầu Thốt Nốt - Ranh Vĩnh Phú)	40	32
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Ranh Vĩnh Phú - Ranh Thoại Giang)	50	40
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Đường đất (kênh Mỹ Giang) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	45	36
-	Đường đất (kênh Phèn Đứng) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	45	36

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
-	Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 2) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	45	36
-	Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 1) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)	45	36
-	Đường đất (kênh Trường Tiền cũ) (Ngã 3 Trường Tiền cũ - Ranh xã Vĩnh Phú)	45	36
-	Đường đất (kênh Đồng Chòi) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Vĩnh Phú)	45	36
-	Bê tông 2m (kênh Thốt Nốt) (Kênh áp Chiến lược - Ranh Vĩnh Phú)	45	36
-	Đường đất (Kênh Ba Thước) (Kênh áp Chiến Lược - Kênh Định Mỹ 1)	45	36
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
VII	Xã Định Thành		
<i>1</i>	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Ranh Núi Sập)	50	40
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Nhựa, bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá-Long Xuyên) (Kênh Ông Đốc - Kênh F)	40	32
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
	Kênh F, G, H, kênh trục, kênh Ông Đốc và lộ tế Định Thành (Kênh Rạch Giá-Long Xuyên-Tỉnh lộ 943, ranh xã Vĩnh Khánh, ranh tỉnh Cần Thơ)	48	38
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	42	33
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh-Ranh Núi Sập)	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Nhựa, bê tông 3,5m liên xã (Kênh RG LX) (Kênh Ông Đốc-Kênh F)	60	48
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	Kênh F, G, H, kênh trục, kênh Ông Đốc và lộ tẻ Định Thành (Kênh Rạch Giá -Long Xuyên - Tỉnh lộ 943, ranh xã Vĩnh Khánh, ranh tỉnh Cần Thơ)	54	43
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	48	
-	Khu vực còn lại	35	
VIII	Xã Mỹ Phú Đông		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Núi Chóc - Năng Gù (Ranh Vĩnh Phú - ranh Vọng Đông)	40	32
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Trường Tiền (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	40	32
-	Kênh Mỹ Phú Đông (Ranh Định Mỹ - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 1 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Định Mỹ 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	40	32
-	Kênh Núp Lê (Kênh Núi Chóc Năng Gù - kênh Mỹ Giang)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Mỹ Giang (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	40	32
<i>e</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Núi Chóc - Năng Gù (Ranh Vĩnh Phú - ranh Vọng Đông)	45	36
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Trường Tiền (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	40	32
-	Kênh Mỹ Phú Đông (Ranh Định Mỹ - Kênh Núi Chóc năng Gù)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 1 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
-	Kênh Định Mỹ 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	40	32
-	Kênh Núp Lê (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh Mỹ Giang)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Mỹ Giang (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	40	32
-	Kênh Trường Tiền (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	40	32
c	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
IX	Xã Phú Thuận		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
a	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Quốc lộ 80 (Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	45	36
b	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Kênh Đòn Dong (Ranh xã Vĩnh Chánh - Ranh xã Mỹ Thạnh)	60	48
-	Kênh Cái Sắn (Ranh xã Vĩnh Trinh - Ranh xã Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	48	38
c	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Rạch Bờ Ao (Ranh Phú Hòa - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên))	40	32
-	Kênh Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)	60	48
-	Kênh Xáng Mới (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh Xã Đội (Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong)	45	36
-	Kênh Thầy Giáo (Ngã 3 Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong)	35	28
-	Kênh Phú Tây (Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn)	42	34
-	Đường đất (kênh Ông Đốc) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đòn Dong)	40	32
d	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
a	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Quốc lộ 80 (Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	65	52
b	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	<i>(kênh cấp I):</i>		
-	Kênh Đòn Dong (Ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh)	65	52
-	Kênh Đòn Dong (ranh Long Xuyên vô 450m)	70	56
-	Kênh Cái Sắn (Ranh xã Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ))	60	48
c	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Rạch Bờ Ao (Ranh Phú Hòa - Ranh P. Mỹ Thạnh)	40	32
-	Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)	70	56
-	Kênh Xáng Mới (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh Xã Đội (Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong)	50	40
-	Kênh Thầy Giáo (Ngã ba Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh Phú Tây (Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn)	45	36
-	Đường đất (kênh Ông Đốc) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đòn Dong)	45	36
-	Kênh Núp Lê (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh Mỹ Giang)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 2 (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Mỹ Giang (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ)	40	32
-	Kênh Trường Tiền (Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú)	40	32
d	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
X	Xã Tây Phú		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
a	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Nhựa 3,5m liên xã (k Mướp Vãn) (Ranh An Bình - Ranh Châu Thành)	40	32
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Mướp Vãn) (Ranh Vọng Thê - Ranh Châu Thành)	40	32
b	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Tiếp giáp các kênh cấp II trong toàn xã (Ranh huyện Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông & ranh Vĩnh Phú)	40	32
c	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
a	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Mướp Vắn) (Ranh Vọng Thê - ranh Châu Thành)	45	36
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
	Các kênh cấp II trong toàn xã (Ranh Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông & ranh Vĩnh Phú)	45	36
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XI	Xã Thoại Giang		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Cầu Thoại Giang - ranh Vọng Đông)	50	40
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Ranh Định Mỹ - ranh Bình Thành)	50	40
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Ba Thê mới (Kênh Rạch giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)	55	44
-	Tiếp giáp các kênh cấp 2 (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)	50	40
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Cầu Thoại Giang - ranh Vọng Đông)	70	56
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Ranh Định Mỹ - Ranh Bình Thành)	60	48
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
	Tiếp giáp các kênh cấp 2 (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - ranh Vọng Đông)	60	48
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XII	Xã Vĩnh Chánh		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Đòn Dong (Ranh Phú Thuận - ranh Vĩnh Khánh)	55	44
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Xã Đội (Ranh Phú Hòa- kênh Đòn Dong)	45	36
-	Kênh T5 (Cầu kênh T5- Hết kênh)	40	32
-	Kênh T7 (Từ cầu kênh T7- ranh Vĩnh Thạnh - ranh Cần Thơ)	48	38
-	Kênh Nông Dân (Cầu 2A- kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh mặc cần dện lớn (Ranh Phú Hòa – ranh Vĩnh Khánh)	40	32
-	Kênh mặc cần dện nhỏ (Cầu Đình- Ngã ba rạch Ông Thiên)	40	32
-	Kênh Thanh niên (kênh Hậu 1- kênh Đòn dong)	40	32
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh)	80	64
-	Nhựa 3,5 m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh)	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Bê tông 2m liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ) (Cầu Đình- Hết đường bê tông)	45	36
-	Đường cấp phối liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ) (Cầu Đình- Hết đường bê tông)	45	36
-	Nhựa 3,5 m (kênh Thanh niên) (Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong)	45	36
-	Đường đất(kênh Thanh Niên (Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong)	45	36
-	Đường cấp phối (kênh Xã Đội) (Ranh Phú Hòa- kênh Đòn Dong)	40	32
-	Đường đất (kênh Nông Dân) (Cầu 2A- kênh Đòn Dong)	40	32
-	Đường đất Kênh T5 (Cầu kênh T5 - Hết Kênh)	40	32
-	Đường đất (kênh T7) (Cầu kênh T7- ranh Cần Thơ)	48	38
-	Kênh Mặc cần dện lớn (Ranh Phú Hòa- ranh Vĩnh Khánh)	45	32

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XIII	Xã Vĩnh Khánh		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Định Thành - ranh Vĩnh Trạch)	40	32
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Đòn Dong (Ranh Vĩnh Chánh - kênh H)	50	40
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Bôn Tổng (Tỉnh lộ 943 - Ranh Cần Thơ)	54	43
-	Kênh H (Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ)	48	38
-	Kênh Trục (Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh Cây Còng (Kênh Đòn Dong - Ranh Cần Thơ)	48	38
-	Kênh Mặc Cần Dện Lớn (Ranh Vĩnh Chánh – kênh Bôn Tổng)	40	32
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	42	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Định Thành - ranh Vĩnh Trạch)	50	40
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Đòn Dong (Ranh Vĩnh Chánh - kênh H)	70	56
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh 4 Tổng (Đường tỉnh 943- Ranh Cần Thơ)	60	48
-	Kênh H (Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ)	54	43
-	Kênh Trục (Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong)	40	32
-	Kênh Cây Còng (Kênh Đòn Dong - Kênh Cần Thơ)	48	38
-	Kênh Mặc Cần Dện Lớn (Ranh Vĩnh Chánh - kênh Bôn Tổng)	40	32
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	48	
-	Khu vực còn lại	35	
XIV	Xã Vĩnh Phú		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	<i>(kênh cấp I):</i>		
-	Bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá – Long Xuyên) (Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần)	40	32
-	Tiếp giáp kênh cấp 1 (Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)	40	32
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Ranh Làng (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú)	40	32
-	Kênh Vĩnh Tây (Kênh Ba Dầu - Ranh xã Tây Phú)	40	32
-	Kênh Ba Dầu (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Vĩnh Tây)	40	32
-	Kênh Trường Tiền (Kênh Xẻo Sâu - Ranh xã Tây Phú)	40	32
-	Kênh Xẻo Sâu (Ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu)	40	32
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần)	60	48
-	Kênh Núi Chóc - Năng Gù (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Ranh Làng (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú)	50	40
-	Kênh Vĩnh Tây (Kênh Ba Dầu - Ranh Tây Phú)	45	36
-	Kênh Ba Dầu (Kênh Rạch Giá Long Xuyên - Kênh Vĩnh Tây)	45	36
-	Kênh Trường Tiền (Kênh Xẻo Sâu - Ranh Tây Phú)	45	36
-	Kênh Xẻo Sâu (Ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu)	45	36
<i>c</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XV	Xã Vĩnh Trạch		
<i>1</i>	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Phú Hòa - ranh xã Định Thành)	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	Nhựa, bê tông (kênh Rạch Giá – Long Xuyên) (Ranh Định Thành - ranh Phú Hòa)	40	32
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Đường nhựa (kênh Mặc Cần Dện) (Ranh Phú Hòa - Rạch Xẻo Lách)	40	32
-	Đường đất (kênh Mười Cai) (kênh Bốn Tổng – Kênh Mặc Cần Dện)	40	32
-	Đường nhựa (rạch Cái Vồn, Bà Cả) (kênh Bốn Tổng – kênh RGLX)	40	32
-	Đường nhựa- Lộ tế Vĩnh Trạch (Kênh RGLX – TL943)	60	48
-	Lộ Thanh Niên (Đường Tỉnh 943 - kênh Mặc Cần Dện)	40	32
-	Đường nhựa, bê tông (kênh 4 Tổng) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Mặc Cần Dện)	45	36
<i>e</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Phú Hòa - ranh xã Định Thành)	70	56
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Nhựa, bê tông (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Rạch Mương Trâu - cầu ông Đốc)	70	56
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Đường nhựa (kênh Mặc Cần Dện) (Kênh Mười Cai - Cầu Xẻo Lách)	50	40
-	Đường đất (kênh Mười Cai) (Kênh Bốn Tổng – cầu ranh Phú Hòa)	45	36
-	Đường nhựa, bê tông (rạch Cái Vồn, Bà Cả) (Kênh RGLX – kênh Bốn Tổng)	45	36
-	Lộ Ông Cường (kênh RGLX – TL943)	60	48
-	Lộ Thanh Niên (TL 943 - Kênh Mặc Cần Dện)	50	40
-	Đường nhựa, Bê tông (kênh Bốn Tổng) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - kênh Mặc Cần Dện)	55	44
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XVI	Xã Vọng Đông		
<i>1</i>	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:</i>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Thoại Giang - ranh Ốc Eo)	50	40
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Kênh Kiên Hảo (Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ)	40	32
-	Kênh Núi Chóc - Năng Gù (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông)	40	32
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Lộ 15 (nhựa 3,5m liên xã kênh Ba Thê - Núi Chọi) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình)	40	32
-	Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh Thoại Giang - Ranh Vọng Thê)	40	32
-	Kênh Thoại Giang I (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	40	32
-	Kênh Thoại Giang II (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	40	32
-	Kênh Ba Thê Cũ (Ranh Ốc Eo - Ranh Bình Thành)	40	32
-	Kênh Vọng Đông 2 (Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	40	32
-	Kênh Mỹ Giang (Núi Chóc Năng Gù - Ranh Thoại Giang)	40	32
<i>e</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Thoại Giang - ranh Ốc Eo)	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
-	Kênh Kiên Hảo (Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ)	50	40
-	Kênh Núi Chóc - Năng Gù (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông)	50	40
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Lộ 15 (nhựa 3,5m liên xã kênh Ba Thê - Núi Chọi) (Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình)	45	36
-	Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh Thoại Giang - Ranh Vọng Thê)	45	36
-	Kênh Thoại Giang I (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	45	36
-	Kênh Thoại Giang II (Kiên Hảo - Ranh Thoại Giang)	45	36
-	Kênh Ba Thê Cũ (Ranh Ốc Eo - Ranh Bình Thành)	45	36
-	Kênh Vọng Đông 2 (Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình)	45	36
-	Kênh Mỹ Giang (Núi Chóc Năng Gù - Ranh Thoại Giang)	45	36

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
	Giang)		
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	
XVII	Xã Vọng Thê		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
-	Đường tỉnh 943		
+	Cầu Mướp Vắn - Ranh Tân Tuyên	50	40
+	Cầu sắt Núi nhỏ- Cầu Mướp Vắn	60	48
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Mướp Vắn (Ranh Mỹ Hiệp Sơn - ranh An Bình)	40	32
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Huệ Đức (Kênh Mướp Vắn - ranh Tri Tôn)	40	32
-	Kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Vắn - ranh Óc Eo)	40	32
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35	
-	Khu vực còn lại	30	
2	Đất trồng cây lâu năm:		
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:</i>		
	Đường tỉnh 943 (Ranh Óc Eo - ranh Tân Tuyên)	55	44
<i>b</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):</i>		
	Kênh Mướp Vắn (Ranh Mỹ Hiệp Sơn - ranh An Bình)	45	36
<i>c</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>		
-	Kênh Huệ Đức (Kênh Mướp Vắn - ranh Tri Tôn)	45	36
-	Kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Vắn - ranh Óc Eo)	45	36
<i>d</i>	<i>Khu vực còn lại:</i>		
-	Tiếp giáp kênh cấp III	40	
-	Khu vực còn lại	35	